

Số: /BC - BTP

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

Dự thảo

BÁO CÁO**Tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi**

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp tiến hành tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế****1.1. Bối cảnh trong nước**

Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 được Quốc hội khóa 12 thông qua tại kỳ họp thứ bảy, ngày 17/6/2010 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011. Luật được ra đời trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh hội nhập quốc tế, yêu cầu cấp thiết phải xây dựng một khuôn khổ pháp lý thống nhất, minh bạch, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ trẻ em. Luật Nuôi con nuôi đã có một bước phát triển quan trọng, chuyển từ khuôn khổ pháp lý phân tán sang một hệ thống pháp lý đầy đủ, có trọng tâm, lấy lợi ích tốt nhất của trẻ em làm mục tiêu cao nhất. Tuy nhiên, trải qua 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi, bối cảnh trong nước đã có nhiều thay đổi như:

- Nhiều văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho việc ban hành Luật Nuôi con nuôi hoặc có liên quan đến công tác giải quyết nuôi con nuôi đã được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung như: Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Luật Hộ tịch, Luật Trẻ em, Luật Hôn nhân và gia đình... Những nội dung có liên quan trong các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành sau khi Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành đã làm cho một số quy định của Luật Nuôi con nuôi không còn phù hợp.

- Các vấn đề mới phát sinh trong công tác giải quyết nuôi con nuôi ngày càng phức tạp. Trong khi đó, quy định của Luật Nuôi con nuôi chưa điều chỉnh hoặc có điều chỉnh nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, gây khó khăn hoặc giảm hiệu quả của công tác giải quyết nuôi con nuôi cũng như công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

- Yêu cầu hoàn thiện pháp luật để đáp ứng việc tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị hành chính và yêu cầu về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Để thực hiện yêu cầu này, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trong thời gian qua, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực nuôi con nuôi. Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp

luật này chỉ có hiệu lực thi hành đến ngày 01/3/2027. Vì vậy cần thiết phải tiếp tục tổng kết, đánh giá, nghiên cứu và đề xuất việc hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi.

1.2. Bối cảnh quốc tế

Luật Nuôi con nuôi được ban hành trước khi Việt Nam trở thành thành viên Công ước La Hay 1993 về Bảo vệ trẻ em và Hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế (ngày 01/02/2012). Mặc dù hầu hết các nguyên tắc cơ bản và yêu cầu của Công ước La Hay 1993 đã được nội luật hóa trong Luật Nuôi con nuôi, nhưng trong những năm gần đây, Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế¹ khuyến nghị và yêu cầu các quốc gia thành viên cần nỗ lực tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chuẩn mực trong công tác giải quyết nuôi con nuôi, như thúc đẩy và triển khai hiệu quả các mô hình, dịch vụ hỗ trợ trước, trong và sau khi giải quyết nuôi con nuôi; đấu tranh và ngăn chặn việc mua, bán trẻ em để cho làm con nuôi hoặc lợi dụng việc giải quyết nuôi con nuôi quốc tế để nhập cảnh nước ngoài vì nhiều mục đích khác nhau; tăng cường vai trò quản lý nhà nước của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền..., qua đó bảo đảm việc giải quyết nuôi con nuôi phải vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Trước bối cảnh trong nước và quốc tế như trên, việc tổng kết thi hành Luật Nuôi con nuôi là cần thiết, nhằm đánh giá toàn diện kết quả 15 năm thi hành Luật; chia sẻ bài học kinh nghiệm; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác nuôi con nuôi trong giai đoạn mới.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Để tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 1416/QĐ-BTP ngày 08/5/2025 ban hành Kế hoạch tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi. Trên cơ sở Quyết định số 1416/QĐ-BTP, các Bộ, ngành có liên quan đã tổ chức việc tổng kết thi hành Luật. Riêng các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành kế hoạch tổng kết Luật Nuôi con nuôi tại địa phương và triển khai các hoạt động theo kế hoạch.

Tính đến hết ngày 10/11/2025, toàn bộ các Bộ, ngành có liên quan và 34/34 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đã hoàn thành việc tổng kết thi hành Luật Nuôi con nuôi. Mặc dù trong bối cảnh phải giải quyết nhiều vấn đề phát sinh sau khi tổ chức, sắp xếp tại đơn vị hành chính các cấp, đặc biệt là sau khi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, các Bộ, ngành và các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đã nghiêm túc thực hiện việc tổng kết thi hành Luật, đã xây dựng, gửi báo cáo tổng kết về Bộ Tư pháp theo đúng tiến độ được đề ra trong Quyết định số 416/QĐ-BTP. Báo cáo tổng kết của các Bộ, ngành và

¹ Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế vào ngày 10/4/2013. Hội nghị có mục tiêu hài hòa hóa các hệ thống pháp luật khác nhau, phát triển và cung cấp các văn kiện pháp lý quốc tế đáp ứng các nhu cầu của thế giới. Công ước La Hay 1993 về Bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế là một trong những văn kiện pháp lý quốc tế được Hội nghị này thông qua vào ngày 29/5/1993.

tỉnh/thành phố đã cung cấp cơ sở thực tiễn vô cùng quý báu để Bộ Tư pháp tổng hợp, xây dựng Báo cáo tổng kết toàn quốc thi hành Luật Nuôi con nuôi.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành Luật Nuôi con nuôi

1.1. Công tác chỉ đạo, triển khai thi hành Luật Nuôi con nuôi

Để triển khai thi hành Luật Nuôi con nuôi trên toàn quốc, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 2321/QĐ-BTP ngày 30/8/2010 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Nuôi con nuôi (sau đây gọi là “Quyết định số 2321/QĐ-BTP”) và Quyết định số 1985/QĐ-BTP ngày 13/7/2012 ban hành Kế hoạch triển khai đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế. Trên cơ sở Kế hoạch do Bộ Tư pháp ban hành, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố đã chỉ đạo Sở Tư pháp và các Sở, ban, ngành có liên quan tại địa phương triển khai thực hiện Luật Nuôi con nuôi.

Để nâng cao nhận thức pháp luật về nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 20/9/2013 về tăng cường công tác thực thi pháp luật và Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 về tăng cường giải quyết việc nuôi con nuôi trong tình hình mới. Ngoài ra, ngày 09/02/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 193/QĐ-TTg Phê duyệt Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó yêu cầu rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật... Quản lý hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra hoạt động hỗ trợ kết hôn, cho, nhận con nuôi nhằm phòng, chống việc lợi dụng các hoạt động này để mua bán người. Trên cơ sở đó, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, các Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Y tế), Bộ Công an, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thi hành và hướng dẫn thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi nhằm bảo đảm việc giải quyết nuôi con nuôi trong nước và nước ngoài tuân thủ đúng quy định pháp luật và bảo đảm lợi ích tốt nhất cho trẻ em.

Đánh giá chung: Các cơ quan có thẩm quyền từ Trung ương đến địa phương đã chủ động, tích cực và nghiêm túc chỉ đạo, triển khai thi hành Luật Nuôi con nuôi phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Qua đó giúp các chủ thể có liên quan hiểu đúng tinh thần, nội dung của Luật, tạo ra sự thống nhất trong cách hiểu và cách áp dụng Luật Nuôi con nuôi ở tất cả các cấp. Đồng thời, việc ban hành kịp thời và đầy đủ các văn bản chỉ đạo triển khai thi hành Luật còn có vai trò xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong việc triển khai Luật Nuôi con nuôi, qua đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi.

1.2. Công tác tổ chức thi hành

1.2.1. Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật Nuôi con nuôi

Sau khi Luật Nuôi con nuôi được ban hành, Bộ Tư pháp đã chủ động xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, ban hành theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các Bộ liên quan ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Cho đến nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Nuôi con nuôi gồm 02 Nghị định (Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 24/2019/NĐ-CP, Nghị định số 06/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP); Nghị định số 114/2016/NĐ-CP), 03 Thông tư, 02 Thông tư liên tịch. Trong đó, 01 Nghị định đã được sửa đổi, bổ sung 02 lần, 01 Thông tư đã được sửa đổi, bổ sung 02 lần, 01 Thông tư đã được ban hành thay thế 01 lần và sửa đổi, bổ sung 02 lần.

Có thể khẳng định rằng, hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật Nuôi con nuôi được ban hành đầy đủ, kịp thời, bảo đảm khắc phục được những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn công tác giải quyết nuôi con nuôi, qua đó giúp cho công tác giải quyết nuôi con nuôi được thực hiện một cách thuận lợi, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

(Xem Phụ lục 1: Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Luật Nuôi con nuôi)

1.2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Nuôi con nuôi

Để tuyên truyền và phổ biến quy định của Luật Nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp đã soạn thảo và phát hành Sách hỏi đáp về nuôi con nuôi; xây dựng Đề cương giới thiệu Luật Nuôi con nuôi; tờ gấp pháp luật; đặc san tuyên truyền pháp luật; soạn thảo và phát hành Tài liệu hướng dẫn chuẩn bị cho trẻ em lớn tuổi làm con nuôi nước ngoài; tuyên truyền phổ biến công tác tìm gia đình thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên các kênh truyền hình và phát thanh như VTV4, Thông tấn xã Việt Nam (TTXVN) và Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Truyền hình vì trẻ em; tuyên truyền, vận động đăng ký nuôi con nuôi thực tế trên báo Pháp luật, báo điện tử VTV online.

Ở địa phương, Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hàng năm đều ban hành các kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về nuôi con nuôi cho người dân thông qua các hình thức như: Tủ sách pháp luật; đưa bản tin pháp luật về nuôi con nuôi trên các chuyên mục của đài phát thanh - truyền hình và báo tỉnh, hệ thống loa truyền thanh xã, bản tin tư pháp; biên soạn, in ấn và cấp phát tờ rơi, sổ chuyên đề với nội dung tìm hiểu quy định pháp luật về nuôi con nuôi trong nước cho Phòng Tư pháp (khi Ủy ban nhân dân cấp huyện còn hoạt động) và Ủy ban nhân dân cấp xã²; lồng ghép nhiệm vụ tuyên truyền, phổ

² Cần Thơ đã tổ chức 5.089 cuộc tuyên truyền với 117.396 lượt người dự, xây dựng 25.000 tờ gấp tuyên truyền, in ấn 1.500 cuốn đề cương giới thiệu Luật và mua cấp phát miễn phí trên 1.200 cuốn Luật Nuôi con nuôi; Cà Mau in và phát hành 74.000 tờ rơi, cấp phát hơn 2.400 bộ tài liệu; An Giang đã cấp phát 20.000 tờ gấp tuyên truyền Luật, thực hiện 10.407 cuộc tuyên truyền pháp luật với 214.185 lượt người tham dự; Tây Ninh phát hành 1.500 quyển sách Luật Nuôi con nuôi; Lai Châu tổ chức 206 buổi tuyên truyền pháp luật với 6.827 lượt người tham gia; Lạng Sơn phát hành trên 16.400 cuốn sách, cấp phát 52.000 bộ đề cương tuyên truyền và hơn 400.000 tờ gấp pháp luật; Lào Cai in và phát hành trên 5.000 cuốn “Hỏi đáp pháp luật về nuôi con nuôi”; Nghệ An phát hành 07 sổ chuyên đề về Nuôi con nuôi với số lượng trên 6000 cuốn; Thanh Hóa đã tổ chức 500 lớp truyền thông cho gần

biến pháp luật về nuôi con nuôi với các hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; tổ chức các cuộc tuyên truyền về các hành vi mua, bán trẻ em để cho làm con nuôi; tuyên truyền pháp luật về nuôi con nuôi thông qua các phiên tòa giả định; lồng ghép tuyên truyền pháp luật thông qua hoạt động tiếp công dân, tư vấn pháp luật, các cuộc họp ở cụm dân cư, thôn, xóm.

1.2.3. Công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về nuôi con nuôi

Thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức nhiều lớp tập huấn triển khai thực hiện Luật tại ba miền Bắc, Trung, Nam. Đối tượng tham gia là cán bộ của các cơ quan hữu quan ở Trung ương và địa phương, bao gồm Sở Tư pháp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Sở Y tế), Công an tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cùng đại diện các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em.

Song song với việc tổ chức các lớp tập huấn cơ bản, hằng năm Bộ Tư pháp còn xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu theo chuyên đề, tập trung vào các nội dung mới được sửa đổi, bổ sung của pháp luật về nuôi con nuôi và các quy định có liên quan trong lĩnh vực hôn nhân, gia đình, hộ tịch, bảo vệ trẻ em. Trong những năm gần đây, Bộ Tư pháp đã tổ chức tập huấn nghiệp vụ nuôi con nuôi cho toàn thể công chức làm công tác đăng ký nuôi con nuôi của các địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đà Nẵng, Lâm Đồng, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau... Ngoài ra, với sự hỗ trợ của UNICEF tại Việt Nam, Cơ quan con nuôi trung ương của Đức, Bộ Tư pháp còn tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ đầu mối tại các địa phương

Cùng với việc tổ chức các lớp tập huấn, Bộ Tư pháp còn xây dựng, phát miễn phí tới các địa phương và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp các tài liệu: Cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký nuôi con nuôi trong nước, Cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; Bộ tiêu chí theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi trong nước, Tiêu chí đánh giá nhu cầu của trẻ em cần được nhận làm con nuôi; Tờ rơi hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký nuôi con nuôi trong nước; Tài liệu chuẩn hóa hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước và hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; các thước phim hướng dẫn nghiệp vụ giới thiệu trẻ em cho gia đình phù hợp....

Ở địa phương, hằng năm, nhiều Sở Tư pháp chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ³ về nuôi con nuôi hoặc

40.000 cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em; Hồ Chí Minh tổ chức nhiều hội nghị tập huấn về pháp luật với 1.700 đại biểu, tổ chức hơn 19.514 cuộc tuyên truyền, thu hút 1.032.406 lượt người tham dự; Tuyên Quang đã cung cấp 7.800 bộ tài liệu tuyên truyền pháp luật nuôi con nuôi, 200 bộ tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, 521 tin, bài, chương trình phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở.

³ Thanh Hóa tổ chức 35 hội nghị tập huấn với gần 20.000 lượt công chức tư pháp - hộ tịch các cấp; Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức 51 lớp tập huấn, hội nghị chuyên đề, với trên 3.000 lượt cán bộ, công chức tham gia; Sơn La tổ chức 11 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho gần 2000 lượt công chức tư pháp, hộ tịch; Phú Thọ tổ chức 06 lớp tập huấn chuyên đề về nuôi con nuôi; Lạng Sơn tổ chức 13 cuộc tập huấn về nghiệp vụ đăng ký nuôi con nuôi trong nước, nuôi con nuôi thực tế và công tác phối hợp giải quyết đăng ký nuôi con nuôi; Lai Châu đã tổ chức 03 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác đăng ký nuôi con nuôi gắn với hộ tịch cho gần 500 lượt công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã; Hưng Yên đã tổ chức 29 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; An Giang đã tổ chức 10 lớp

lồng ghép với các nội dung tập huấn nghiệp vụ hộ tịch. Nhiều địa phương đã có cách làm sáng tạo, linh hoạt trong việc phối hợp với các cơ sở đào tạo và cơ quan Trung ương để tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu. Công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ tại các địa phương được duy trì thường xuyên, triển khai ngày càng thực chất và hiệu quả. Nhiều Sở Tư pháp đã tổ chức hàng chục lớp tập huấn trực tiếp và trực tuyến, thu hút sự tham gia của hàng nghìn học viên là công chức tư pháp – hộ tịch các cấp, cán bộ cơ sở nuôi dưỡng trẻ em. Ngoài hoạt động tập huấn, các Sở Tư pháp còn chú trọng công tác hướng dẫn nghiệp vụ tại chỗ thông qua việc tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát công tác hộ tịch ở địa phương. Một số Sở Tư pháp⁴ đã ban hành văn bản hướng dẫn riêng, phát hành tài liệu phổ biến pháp luật hoặc văn bản trả lời cụ thể các vướng mắc của cơ sở, đồng thời chủ động rà soát, tổng hợp khó khăn trong quá trình giải quyết việc nuôi con nuôi để kịp thời báo cáo, đề xuất hướng xử lý, tháo gỡ, bảo đảm sự thống nhất trong toàn tỉnh.

Đánh giá chung: trong giai đoạn từ khi Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực đến tháng 10 năm 2025, công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về nuôi con nuôi ở Trung ương đã được triển khai đồng bộ, kịp thời, thực chất và hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi, bảo đảm việc đăng ký, giải quyết hồ sơ nuôi con nuôi đúng quy định, minh bạch và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

1.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về nuôi con nuôi

Ở Trung ương, Bộ Tư pháp tổ chức các đoàn kiểm tra công tác đăng ký nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại nhiều địa phương nhằm chủ động nắm bắt tình hình, hướng dẫn trực tiếp, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. Hoạt động kiểm tra đã góp phần bảo đảm việc thi hành pháp luật về nuôi con nuôi được thực hiện thống nhất, thông suốt, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn⁵.

Đối với công tác thanh tra, Thanh tra Bộ Tư pháp đã thực hiện thanh tra hoặc phối hợp với Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (trước đây) thanh

tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch và nuôi con nuôi cho khoảng 1254 công chức tư pháp hộ tịch, 01 lớp tập huấn trực tuyến cho 400 công chức tư pháp hộ tịch; Cà Mau tổ chức 02 lớp tập huấn cho 497 đại biểu; Cần Thơ định kỳ hàng năm, tổ chức từ 01 đến 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho gần 200 công chức tư pháp cấp huyện và cấp xã, tổ chức 07 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch trong đó có lĩnh vực nuôi con nuôi trong nước; Tuyên Quang đã tổ chức 20 Hội nghị triển khai Luật với gần 3600 đại biểu, tổ chức 1.639 hội nghị chuyên đề cho trên 120.000 lượt người, 03 hội thi tìm hiểu pháp luật, đã tổ chức 54 hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho 3.152 công chức.

⁴ Cần Thơ, Lạng Sơn, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh...

⁵ Các đoàn kiểm tra công tác thi hành pháp luật về nuôi con nuôi được Bộ Tư pháp triển khai hàng năm. Đặc biệt năm 2015, lĩnh vực nuôi con nuôi đã được lựa chọn là một trong các lĩnh vực trọng tâm của Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Quyết định số 485/QĐ-BTP ngày 17/3/2015. Thực hiện Quyết định này, Bộ Tư pháp đã tổ chức đoàn công tác kiểm tra tình hình thi hành Luật Nuôi con nuôi tại 07 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngoài ra, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tổ chức 02 đoàn kiểm tra liên ngành tại Thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Kạn, tập trung vào công tác tiếp nhận, quản lý, giới thiệu trẻ em làm con nuôi trong nước và nước ngoài.

tra chuyên đề về công tác giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước tại các tỉnh Hà Giang, Quảng Bình; thanh tra việc giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài và trợ giúp xã hội cho trẻ em tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Thanh tra Bộ Tư pháp cũng phối hợp với Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (trước đây) tiến hành thanh tra liên ngành tại Thành phố Hà Nội và tỉnh An Giang, tập trung vào việc thực hiện quy định pháp luật về nuôi con nuôi, công tác quản lý, chăm sóc và bảo vệ trẻ em tại các cơ sở nuôi dưỡng.

Ở địa phương, công tác kiểm tra và thanh tra trong lĩnh vực nuôi con nuôi đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện thường xuyên và có trọng tâm. Theo báo cáo của các địa phương, hoạt động kiểm tra, thanh tra về lĩnh vực nuôi con nuôi được thực hiện song song với việc kiểm tra các nhiệm vụ chung của ngành tư pháp, đặc biệt là việc lồng ghép cùng công tác kiểm tra hộ tịch – chứng thực. Từ khi Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực đến nay, nhiều Sở Tư pháp đã tổ chức hàng chục cuộc kiểm tra, thanh tra⁶ ở hàng trăm cơ sở cấp huyện và cấp xã liên quan tới công tác đăng ký nuôi con nuôi trong nước. Việc kiểm tra được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng – bao gồm kiểm tra trực tiếp tại địa phương, thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, kiểm tra định kỳ thường xuyên hoặc đột xuất khi có dấu hiệu hoặc yêu cầu; ngoài ra còn thông qua việc theo dõi báo cáo 6 tháng và hằng năm của các đơn vị.

Qua hoạt động kiểm tra, thanh tra cho thấy về cơ bản việc giải quyết nuôi con nuôi được thực hiện đúng quy định trong quá trình tiếp nhận, giải quyết và lưu trữ hồ sơ; đa số các địa phương chưa phát hiện hiện tượng lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động của con nuôi, bắt cóc hoặc mua bán trẻ em để cho làm con nuôi. Đối với những sai sót được phát hiện, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp (trước đây) đã kịp thời uốn nắn; các khó khăn, vướng mắc được hướng dẫn, khắc phục kịp thời.

1.2.5. Công tác bảo đảm nguồn lực cho việc thi hành Luật Nuôi con nuôi

Ở Trung ương, Bộ Tư pháp đã bố trí đội ngũ công chức có trình độ từ cử nhân Luật trở lên, có năng lực chuyên môn và sử dụng thành thạo ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Pháp), đáp ứng được yêu cầu thực thi Luật Nuôi con nuôi. Bộ Tư pháp cũng đã chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức phụ trách công tác nuôi con nuôi tại địa phương nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng xử lý tình huống phát sinh. Về cơ sở vật chất, Bộ Tư pháp

⁶ Tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức 25 lượt kiểm tra về công tác đăng ký và quản lý nuôi con nuôi; Thành phố Huế đã tiến hành thanh tra 09 Phòng Tư pháp cấp huyện, thị xã, thành phố và 34 đơn vị tại các xã, phường, thị trấn, kiểm tra 15 đợt với 09 Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố và 30 đơn vị xã, phường, thị trấn; tỉnh Hưng Yên tổ chức được 29 cuộc kiểm tra; tỉnh Ninh Bình đã tiến hành 08 cuộc thanh tra và hơn 70 cuộc kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về công tác nuôi con nuôi; tỉnh Nghệ An đã tiến hành 12 cuộc thanh, kiểm tra công tác nuôi con nuôi; tỉnh Sơn La đã thực hiện 01 cuộc thanh tra, 24 cuộc kiểm tra trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; tỉnh Tuyên Quang đã tổ chức 85 cuộc thanh tra, kiểm tra về công tác nuôi con nuôi tại 265 lượt đơn vị, tổ chức.

bố trí phòng làm việc, trang thiết bị đầy đủ để thực hiện chức năng quản lý nhà nước, xử lý nghiệp vụ và lưu trữ hồ sơ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

Ở địa phương, theo báo cáo của các Sở Tư pháp, về cơ sở vật chất, hầu hết các địa phương đều đã bố trí, mua sắm máy tính, máy in, máy photocopy, trang thiết bị mới, phần mềm và dịch vụ Internet để thực hiện việc số hóa dữ liệu hồ tịch trong đó có dữ liệu về nuôi con nuôi. Cơ sở vật chất được bố trí đầy đủ, đáp ứng yêu cầu công việc. Các Ủy ban nhân dân cấp xã trang bị bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu, không gian làm việc phù hợp để phục vụ công tác giải quyết việc nuôi con nuôi. Về nhân lực, các Sở Tư pháp bố trí phòng chuyên môn phụ trách công tác quản lý về nuôi con nuôi và Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí ít nhất 01 công chức để thực hiện các thủ tục hành chính về nuôi con nuôi. Đa số đội ngũ công chức Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp (trước đây) đều có trình độ từ cử nhân luật trở lên; công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp luật trở lên, được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ hàng năm và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ về hồ tịch.

2. Kết quả thi hành Luật Nuôi con nuôi

2.1. Đối với công tác nuôi con nuôi trong nước

2.1.1. Kết quả giải quyết nuôi con nuôi trong nước đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Kể từ khi thực hiện Luật Nuôi con nuôi đến ngày 31/12/2025, trên toàn quốc đã giải quyết 41.188 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt làm con nuôi trong nước⁷, chiếm hơn 89,4% trong tổng số 46.066 trẻ em được giải quyết làm con nuôi trong nước và nước ngoài, cao hơn 08 lần so với số lượng trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài⁸. Số lượng trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi hàng năm tương đối đồng đều, không có thay đổi đáng kể giữa các năm (trừ năm đầu tiên thực hiện Luật Nuôi con nuôi).

Trong số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được giải quyết cho làm con nuôi trong nước, có 4,3% trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng (1.798 trường hợp/15 năm), 16,2% trẻ em ở nơi khác (6.693 trường hợp) và 79,5% trẻ em sống ở gia đình (gần 31.015 trường hợp).

Về độ tuổi của trẻ em được nhận làm nuôi trong nước, 48,3% trẻ em dưới 01 tuổi (khoảng 19.932 trường hợp), 28% từ 01-05 tuổi (khoảng 11.552 trường hợp) và 23,7% từ 05 tuổi trở lên (hơn 9.704 trường hợp).

Về giới tính của trẻ em được nhận làm con nuôi, khoảng 52% có giới tính nam (hơn 21.626 trường hợp) và khoảng 48% có giới tính nữ (19.593 trường hợp).

⁷ Nuôi con nuôi trong nước là việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau mà cả hai bên thường trú trong nước (được giải quyết tại Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc tạm trú ở nước ngoài (được giải quyết tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài). Theo báo cáo của Bộ Ngoại giao, trong 15 năm qua, các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chưa giải quyết trường hợp nuôi con nuôi nào.

⁸ Trong giai đoạn 2011–2025, trên toàn quốc đã giải quyết 4.878 trường hợp trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Về tình trạng sức khỏe, khoảng 99% trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước có sức khỏe bình thường, chỉ khoảng 1% trẻ em mắc bệnh, khuyết tật.

(Xem Phụ lục 2: Kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi trong nước trên toàn quốc giai đoạn 2011- 2025)

Trong giai đoạn chuyển tiếp theo quy định của Luật Nuôi con nuôi, từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2015, các địa phương đã tổ chức đăng ký 3.567 trường hợp nuôi con nuôi thực tế trong nước, chiếm 51% tổng số trường hợp đủ điều kiện. Việc này góp phần hợp pháp hóa quan hệ nuôi con nuôi hình thành trước thời điểm Luật có hiệu lực, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cả cha mẹ nuôi và con nuôi.

Đánh giá chung: Từ kết quả giải quyết nuôi con nuôi trong nước cho thấy, hầu hết trẻ em được nhận làm con nuôi đi từ gia đình (gia đình ruột thịt hoặc gia đình khác), trẻ em nhỏ tuổi và khỏe mạnh. Lý do: người nhận con nuôi trong nước lựa chọn trẻ em rất kỹ để bảo đảm con nuôi hòa nhập tốt với gia đình và muốn giữ kín việc nuôi con nuôi. Đây là sự khác biệt giữa nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

2.1.2. Về việc thực hiện thủ tục giải quyết nuôi con nuôi trong nước

Luật Nuôi con nuôi đã tạo lập khuôn khổ pháp lý thống nhất, toàn diện, quy định rõ ràng về điều kiện, hồ sơ và trình tự, thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước. Do đó, việc thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước đã khắc phục cơ bản những hạn chế, bất cập so với trước đây. So với giai đoạn trước năm 2010, các quy định mới đã đặt ra yêu cầu cao hơn về thủ tục và hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi nhằm bảo đảm việc giải quyết nuôi con nuôi được thực hiện vì lợi ích tốt nhất của trẻ em. Đa số các địa phương đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, công tác đăng ký nuôi con nuôi trong nước đã đi vào nề nếp, ổn định, dần khắc phục được những thói quen hành chính cũ trong việc giải quyết nuôi con nuôi theo pháp luật trước đây.

Thực tiễn triển khai cho thấy, tình trạng khiếu nại, tố cáo trong công tác đăng ký nuôi con nuôi gần như không xảy ra phản ánh mức độ tuân thủ pháp luật và sự đồng thuận xã hội cao. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện – như việc lập hồ sơ, xác định điều kiện nhận con nuôi, xác minh hoàn cảnh trẻ em bị bỏ rơi, hướng dẫn thủ tục đối với trường hợp đặc biệt – đều được hướng dẫn kịp thời.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đăng ký nuôi con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao theo quy định pháp luật, tuân thủ việc xác minh, đánh giá điều kiện kinh tế, chỗ ở, tình trạng sức khỏe, phẩm chất đạo đức và năng lực chăm sóc, giáo dục trẻ của người nhận con nuôi, bảo đảm việc nhận nuôi được thực hiện vì mục đích nhân đạo, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em; nghiêm túc thực hiện việc tiến hành lấy ý kiến đồng ý của cha mẹ đẻ, người giám hộ, trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên, đồng thời vận cho các bên liên quan về mục đích, ý nghĩa của việc nhận nuôi con nuôi, quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ

để, cha mẹ nuôi và trẻ em; nghiêm túc, phối hợp chặt chẽ với cơ quan công an, tư pháp – hộ tịch, lao động – thương binh và xã hội trong việc xác minh nguồn gốc trẻ em, đặc biệt đối với trẻ bị bỏ rơi, trẻ mồ côi, trẻ không rõ thân nhân hoặc trường hợp có yếu tố phức tạp.

Nhìn chung, công tác đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước giai đoạn 2011–2025 đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm quyền được sống trong môi trường gia đình của trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, đồng thời thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội của Nhà nước.

2.1.3. Về tình hình phát triển của trẻ em được nhận làm con nuôi và việc thực hiện trách nhiệm kiểm tra, theo dõi việc nuôi con nuôi

Theo báo cáo của các địa phương, đa số trẻ em được nhận làm con nuôi hòa nhập tốt với môi trường gia đình cha mẹ nuôi, do trẻ em được nhận làm con nuôi từ khi còn rất nhỏ tuổi. Các cha mẹ nuôi yêu thương, chăm sóc con nuôi như con ruột của mình, luôn quan tâm, lo lắng tới sự phát triển và hòa nhập của con nuôi. Thực hiện Nghị quyết số 76/2019/QH14 và Nghị quyết số 81/2019/QH14 của Quốc hội, năm 2020, Bộ Tư pháp đã ban hành Báo cáo số 33/BC-BTP ngày 07/02/2020 về việc thực hiện chính sách, pháp luật phòng, chống xâm hại trẻ em (giai đoạn 2015–2019), trong đó có nội dung đánh giá riêng về tình hình bảo đảm quyền của trẻ em trong các trường hợp được nhận làm con nuôi. Báo cáo cho thấy, trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước cơ bản hòa nhập tốt, được chăm sóc, giáo dục toàn diện, ít xảy ra tình trạng xâm hại, vi phạm quyền trẻ em.

Về việc thực hiện trách nhiệm kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi, các địa phương thực hiện một cách đa dạng và linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn: thông qua việc đến thăm trực tiếp gia đình cha mẹ nuôi; gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin; liên hệ qua điện thoại để đôn đốc, nhắc nhở; phối hợp với nhà trường, đoàn thể, tổ dân phố để nắm bắt tình hình; hoặc thông qua các dịp công dân đến Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thủ tục hành chính. Một số địa phương còn tổ chức đoàn kiểm tra định kỳ hằng năm hoặc thăm hỏi trẻ em được nhận làm con nuôi nhân các dịp lễ, Tết, ngày Quốc tế Thiếu nhi, qua đó vừa theo dõi thực tế vừa tạo sự gắn kết, động viên tinh thần cho các gia đình nhận con nuôi.

Vào năm 2022, Bộ Tư pháp đã xây dựng và hướng dẫn các địa phương trên toàn quốc thực hiện Bộ tiêu chí theo dõi tình hình phát triển của trẻ em được cho làm con nuôi trong nước. Việc thực hiện Bộ tiêu chí này đã mang lại chuyển biến tích cực trong công tác theo dõi tình hình phát triển của trẻ em được nhận làm con nuôi. Một số tỉnh, thành phố thông qua việc kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ định kỳ đã thiết lập cơ chế giám sát thường xuyên giữa Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm nghĩa vụ báo cáo hoặc có dấu hiệu xâm hại, bỏ rơi trẻ em được nhận làm con nuôi.

2.2. Đối với công tác nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

2.2.1. Kết quả giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Trong giai đoạn 2011- 2025, trên toàn quốc đã giải quyết 4.878 trường hợp trẻ em làm con nuôi nước ngoài, chiếm 10,6% trong tổng số 46.066 trường hợp trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi trong nước và nước ngoài. Trong tổng số 4.878 trẻ em được giải quyết làm con nuôi nước ngoài, có 3.407 trẻ đang sống tại các cơ sở trợ giúp xã hội, chiếm 69,8%, và 1.471 trẻ sống tại gia đình, chiếm 29,2% (hầu hết là các trường hợp được cha dượng/mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận làm con nuôi).

Về cơ cấu độ tuổi, phần lớn trẻ em được nhận làm con nuôi nước ngoài thuộc nhóm từ 01 đến 05 tuổi với 1.996 trẻ (chiếm 40,9%), tiếp theo là nhóm từ 10 tuổi trở lên với 1.272 trẻ (chiếm 26,08%), nhóm dưới 01 tuổi có 964 trẻ (19,7%), và nhóm từ 05 đến 10 tuổi có 646 trẻ (13,2%). Cơ cấu giới tính tương đối cân bằng, trong đó trẻ em nữ chiếm 51,9%, trẻ em nam chiếm 48,1%.

Xét về tình trạng sức khỏe, trong số trẻ em tại các cơ sở nuôi dưỡng, có 2.427 trẻ (51,06%) thuộc diện khuyết tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo (được giải quyết theo thủ tục đích danh), trong khi 951 trẻ (20%) có sức khỏe bình thường (được giải quyết theo thủ tục giới thiệu). Đối với 1.471 trẻ là con riêng hoặc cháu ruột của người nhận con nuôi, phần lớn có sức khỏe bình thường.

(Xem Phụ lục 3: Kết quả giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên toàn quốc giai đoạn 2011-2025)

Đánh giá chung: Từ kết quả giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài nêu trên cho thấy, rất ít trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài. Trung bình mỗi năm chỉ có khoảng 300 trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi (trong những năm gần đây, chỉ có khoảng 200 trường hợp/năm). Nhiều trẻ em được nhận làm con nuôi bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo (50%).

2.2.2. Tuân thủ nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước trước khi giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước trước khi giải quyết cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài là một trong những nguyên tắc cơ bản xuyên suốt quá trình thực thi Luật Nuôi con nuôi, thể hiện rõ tính nhân văn và phù hợp với lợi ích tốt nhất của trẻ em theo quy định pháp luật Việt Nam và Công ước La Hay 1993 về Bảo vệ trẻ em và Hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế. Thực hiện nguyên tắc này, trong thời gian qua, các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương đã tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm bảo đảm việc tìm kiếm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, nhất là trẻ em đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, trước khi xem xét giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài.

Theo thống kê nêu trên, trong 15 năm qua, 951 trẻ em thuộc diện được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài theo quy định tại Điều 36 Luật Nuôi con nuôi đều đã được thông báo công khai tìm gia đình thay thế trong nước ở cả hai cấp: địa phương và Trung ương. Việc công khai thông tin này được thực hiện nghiêm túc, theo đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định, bảo đảm tính minh bạch và

tạo cơ hội cho người trong nước có nhu cầu nhận con nuôi có thể tiếp cận thông tin kịp thời. Đặc biệt, kể từ khi Nghị định số 06/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành, đối tượng trẻ em được thông báo tìm gia đình thay thế trong nước được mở rộng đối với cả trẻ em mắc bệnh, khuyết tật để tạo cơ hội cho trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước.

2.2.3. Bảo đảm trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài

Công tác bảo đảm trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài là một nội dung cốt lõi trong quản lý nhà nước về nuôi con nuôi, thể hiện trực tiếp năng lực thực thi pháp luật, đạo đức công vụ và tính nhân văn trong bảo vệ quyền trẻ em. Đây là bước quan trọng mang tính “sàng lọc pháp lý” – vừa xác minh, vừa kiểm tra, đánh giá kỹ càng nhằm bảo đảm chỉ những trường hợp thật sự không còn cơ hội được chăm sóc trong nước và đáp ứng được các điều kiện theo quy định pháp luật thì mới được giới thiệu làm con nuôi nước ngoài.

Việc bảo đảm trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi nước ngoài được thực hiện chặt chẽ trên ba phương diện chính: (i) xác minh nguồn gốc của trẻ em; (ii) kiểm tra, thẩm định hồ sơ pháp lý của trẻ em; (iii) đánh giá điều kiện nuôi dưỡng trong nước. Có thể khẳng định rằng, việc thực hiện tốt công tác xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài là một trong những yếu tố then chốt giúp cho việc giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của Công ước La Hay 1993 về Bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế. Kể từ khi thực hiện Luật Nuôi con nuôi (01/01/2011) và trở thành thành viên Công ước La Hay 1993 (ngày 01/02/2012), các trường hợp trẻ em Việt Nam được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài chưa có sai sót gì về mặt pháp lý. Với tư cách là Cơ quan Trung ương của Việt Nam trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993, Bộ Tư pháp chưa nhận được phản ánh nào từ các quốc gia thành viên Công ước La Hay 1993 về vấn đề pháp lý của các trường hợp giải quyết nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam.

2.2.4. Công tác phối hợp của các Bộ, ngành và cơ quan ban ngành ở địa phương

Công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành và các cơ quan ban ngành ở địa phương trong lĩnh vực nuôi con nuôi có vai trò đặc biệt quan trọng, bảo đảm việc triển khai thống nhất, hiệu quả các quy định của Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong giai đoạn 2011–2025, kết quả đạt được trong công tác giải quyết nuôi con nuôi, đặc biệt là nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, thể hiện kết quả của công tác phối hợp giữa các cơ quan có liên quan.

Ở cấp Trung ương, Bộ Tư pháp giữ vai trò cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Y tế), Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chính sách, pháp luật về nuôi con nuôi; đặc biệt trong công tác giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài (Bộ Y tế, Bộ Công an),

theo dõi tình hình phát triển của trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài (Bộ Ngoại giao) và quản lý hoạt động của các tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép tại Việt Nam (Bộ Công an).

Ở địa phương, cơ chế phối hợp liên ngành được thiết lập và duy trì thường xuyên, đặc biệt thông qua việc ban hành Quy chế phối hợp liên ngành tại địa phương giữa Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (nay là Sở Y tế), Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ sở trợ giúp xã hội và các cơ quan truyền thông, báo chí. Cơ chế này đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước, bảo đảm việc đăng thông tin tìm gia đình thay thế miễn phí, xác minh rõ ràng nguồn gốc trẻ em, kiểm soát việc cấp giấy chứng sinh và tăng cường khả năng đoàn tụ với gia đình gốc của trẻ.

Sự kiện nổi bật trong cơ chế phối hợp liên ngành từ cấp Trung ương và địa phương trong thời gian qua là công tác phối hợp liên ngành để tổ chức giao nhận trẻ em đã được giải quyết cho làm con nuôi trong bối cảnh đại dịch COVID-19 đang diễn ra căng thẳng ở Việt Nam và trên thế giới (cuối năm 2020-2021). Việc giao nhận được tổ chức chặt chẽ, đảm bảo được yêu cầu phòng, chống dịch. Việc tổ chức thành công 02 đợt bàn giao trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài trong năm 2020-2021 đã phản ánh hiệu quả của cơ chế phối hợp liên ngành, đồng thời khẳng định năng lực ứng phó linh hoạt của hệ thống quản lý nhà nước trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh⁹.

2.2.5. Công tác theo dõi tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài

Công tác theo dõi tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi nước ngoài luôn được các cơ quan có thẩm quyền quan tâm, thể hiện rõ trách nhiệm của Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm quyền trẻ em theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và Công ước La Hay năm 1993. Trong giai đoạn 2011-2025, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận khoảng 18.000 báo cáo định kỳ về tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi ở nước ngoài, do cơ quan con nuôi Trung ương các nước và Tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép tại Việt Nam gửi. Các số liệu tổng hợp cho thấy phần lớn trẻ em phát triển ổn định về thể chất, tinh thần, được chăm sóc, giáo dục và hòa nhập tốt trong môi trường gia đình mới. Nhiều trường hợp trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo đã được điều trị và phục hồi đáng kể nhờ sự chăm sóc tận tâm của cha mẹ nuôi. Đối với việc theo dõi tình hình phát triển của trẻ em tại nơi trẻ em cư trú, theo Báo cáo của Bộ Ngoại giao về tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi, nhìn chung, các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chưa ghi nhận trường hợp trẻ em

⁹ Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các cơ sở trợ giúp xã hội có trẻ em bàn giao, các cơ quan ngoại giao và các Bộ gồm: Công an, Quốc phòng, Ngoại giao, Y tế, Giao thông Vận tải, Lao động-Thương binh & Xã hội, Đại sứ quán các nước thuộc Liên Minh Châu Âu, 20 Tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam và gia đình cha mẹ nuôi, tổ chức Lễ giao nhận 129 trẻ em Việt Nam cho gia đình cha mẹ nuôi. Sự kiện này được tiến hành theo quy trình giao nhận được Bộ Tư pháp hướng dẫn nhằm vừa bảo đảm pháp lý vừa tuân thủ các biện pháp phòng dịch.

Việt Nam nào được nhận nuôi cần được bảo hộ. Về cơ bản, các cá nhân, gia đình nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi đều đem đến cho trẻ môi trường sống ổn định, lành mạnh, luôn cung cấp các điều kiện tốt nhất để trẻ hoà nhập với cuộc sống sở tại, được hưởng các quyền và ưu đãi dành cho trẻ em theo quy định của pháp luật sở tại.

Từ năm 2016, công tác theo dõi và bảo vệ trẻ em được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2016/TTLT-BTP-BNG-BCA-BLĐTBXH. Thông tư quy định rõ trách nhiệm phối hợp giữa các Bộ, ngành trong nước với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và các tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam. Việc theo dõi tình hình phát triển của trẻ em không chỉ được thực hiện qua việc tổng hợp, đánh giá thông tin từ báo cáo của cha mẹ nuôi, mà hằng năm Bộ Tư pháp còn tổ chức các đoàn công tác liên ngành sang nước ngoài để gặp gỡ các gia đình và trẻ em được nhận nuôi, tìm hiểu, đánh giá việc chăm sóc, nuôi dưỡng, khả năng hòa nhập với gia đình, cộng đồng. Ngoài ra, Bộ Tư pháp còn thiết lập cơ chế hợp tác giữa Bộ Tư pháp (với tư cách là Cơ quan Trung ương của Việt Nam trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993) với Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của các nước có quan hệ hợp tác về nuôi con nuôi với Việt Nam để kịp thời chia sẻ thông tin, trao đổi về tình hình phát triển của trẻ em Việt Nam được giải quyết cho làm con nuôi ở nước ngoài.

Về cơ bản, trong giai đoạn 2011–2025, công tác theo dõi tình hình phát triển trẻ em được cho làm con nuôi nước ngoài đã được Bộ Tư pháp và các cơ quan hữu quan dành sự quan tâm thỏa đáng, từ đó đảm bảo việc giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài không chỉ kết thúc khi trẻ em đã được về với gia đình, mà trẻ em còn nhận được sự trợ giúp từ các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để giúp trẻ em phát triển thuận lợi trong thời gian đầu làm quen với cuộc sống mới ở một nơi hoàn toàn xa lạ với nơi các em đã được sinh ra và lớn lên.

2.2.6. Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi

a) Về hợp tác với các nước thành viên Công ước La Hay 1993 và các tổ chức quốc tế

Sau khi chính thức trở thành thành viên của Công ước La Hay 1993, Việt Nam đã thiết lập cơ chế hợp tác tích cực và có trách nhiệm trên phương diện song phương và đa phương với các nước thành viên của Công ước, với Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế và với các tổ chức quốc tế khác có liên quan đến lĩnh vực nuôi con nuôi và bảo vệ trẻ em. Đối với các Nước nhận có quan hệ hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, Bộ Tư pháp luôn duy trì việc cung cấp, trao đổi thông tin, chính sách, pháp luật, số liệu thống kê (nếu được yêu cầu). Đồng thời, Bộ Tư pháp hợp tác chặt chẽ với Cơ quan Trung ương của 14 nước¹⁰

¹⁰ Hợp tác thông qua Hiệp định song phương với Cộng hòa Pháp, Thụy Sĩ, Đan Mạch, I-ta-li-a và Tây Ban Nha; thông qua ký kết Bản thỏa thuận hợp tác trong khuôn khổ Công ước La Hay 1993 như: Ai-len, Ca-na-đa, Cộng

có quan hệ hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế để đảm bảo quy trình giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài và quá trình sau khi nhận con nuôi được tiến hành thuận lợi và đạt hiệu quả cao, bảo vệ lợi ích tốt nhất cho trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi nước ngoài. Song song với việc hợp tác chặt chẽ với Cơ quan Trung ương của các nước, Bộ Tư pháp cũng đã duy trì mối quan hệ chặt chẽ, tích cực với Đại sứ quán của 14 nước tại Việt Nam. Ngoài ra, Bộ Tư pháp còn hợp tác với các Nước gốc trong khu vực có giải quyết cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài như Phi-líp-pin, Thái Lan và chia sẻ kinh nghiệm với Hàn Quốc và Xinh-ga-po...

Đối với Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, Bộ Tư pháp duy trì liên hệ thường xuyên với Ban Thường trực Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế theo dõi thực thi Công ước La Hay ở các nước thành viên như: cử đại diện tham gia đầy đủ các Khóa họp đặc biệt về nuôi con nuôi để kiểm điểm tình hình triển khai thực thi Công ước tại các Nước ký kết; tham dự các cuộc họp trực tuyến để góp ý vào các tài liệu của Hội nghị; đóng ý kiến để xây dựng các tài liệu, khuyến nghị, dự thảo các biểu mẫu, giấy tờ có liên quan để thực hiện tốt Công ước khi Ban thường trực Hội nghị yêu cầu; cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật, số liệu giải quyết nuôi con nuôi hàng năm của Việt Nam và luôn đảm bảo các thông tin này được cập nhật tại trang thông tin của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế. Với tư cách là Cơ quan Trung ương của Việt Nam trong khuôn khổ Công ước, Bộ Tư pháp đã tham gia tích cực Nhóm Công tác xây dựng cách thức thực hiện trái Công ước do Ủy ban thường trực Công ước La Hay tổ chức năm 2016, 2020 và 2021.

Đối với các tổ chức quốc tế như ISS, UNICEF: Việt Nam còn có mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với các Tổ chức quốc tế liên chính phủ và Phi chính phủ có liên quan đến bảo vệ quyền của trẻ em như Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) và Tổ chức dịch vụ xã hội quốc tế (ISS/IRC).

b) Về cấp phép cho các tổ chức con nuôi nước ngoài hoạt động tại Việt Nam

Từ thời điểm Luật Nuôi con nuôi có hiệu lực thi hành đến nay, trên cơ sở hợp tác với các Nước nhận, Bộ Tư pháp đã cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi cho 38 tổ chức con nuôi nước ngoài của 14 nước dưới hình thức Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. Đến thời điểm hiện nay còn 19 tổ chức hoạt động tại Việt Nam do một số tổ chức dừng hoạt động tại Nước nhận, một số tổ chức không xin gia hạn giấy phép hoạt động khi giấy phép hết hạn, một số tổ chức không có người đứng đầu văn phòng con nuôi nước ngoài đủ điều kiện và phù hợp.

(Xem Phụ lục 5. Danh sách các Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam).

Các tổ chức con nuôi nước ngoài xin cấp phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Nuôi con nuôi phần lớn đều là những tổ chức có kinh nghiệm hoạt động lâu năm tại Việt Nam. Về cơ bản, các tổ chức con nuôi nước ngoài đều đáp ứng các điều kiện để được cấp giấy phép theo quy định của Luật Nuôi con nuôi, là những tổ chức được thành lập hợp pháp theo pháp luật của nước ngoài hữu quan, có kinh nghiệm và có tính chuyên nghiệp trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế, am hiểu pháp luật, văn hóa và xã hội của Việt Nam; những người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam đều là những người có kinh nghiệm, một số người có trình độ nghiệp vụ cao về công tác xã hội, trẻ em và nuôi con nuôi quốc tế, có trình độ hiểu biết về những chuẩn mực quốc tế và thực tiễn nuôi con nuôi quốc tế tại một số Nước gốc.

Trong quá trình thực hiện thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động cho các tổ chức con nuôi nước ngoài, Bộ Tư pháp luôn phối hợp với các Cơ quan trung ương của nước ngoài hữu quan để tiến hành kiểm tra thông tin, đánh giá về điều kiện, mức độ chuyên nghiệp của tổ chức và đội ngũ nhân viên của tổ chức tại nước nơi tổ chức được thành lập. Đồng thời, Bộ Tư pháp cũng đã phối hợp tốt với Bộ Công an trong quá trình thực hiện các thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép, do vậy, quá trình này diễn ra khá thuận lợi, không để xảy ra thắc mắc, khiếu nại.

Về công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý các Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, trong những năm vừa qua, Thanh tra Bộ Tư pháp (trước khi sắp xếp lại cơ cấu tổ chức) đã tiến hành thanh tra hoạt động của một số Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam. Kết quả thanh tra cho thấy, về cơ bản, các Văn phòng con nuôi nước ngoài tuân thủ nghiêm túc quy định pháp luật Việt Nam trong quá trình hoạt động. Đối với công tác kiểm tra, Bộ Tư pháp đã tập trung thực hiện việc kiểm tra hoạt động của Văn phòng con nuôi nước ngoài thông qua việc theo dõi nhiệm vụ hỗ trợ người nhận con nuôi nước ngoài thực hiện thủ tục nhận con nuôi ở Việt Nam, nghĩa vụ nộp báo cáo tình hình hoạt động của Văn phòng con nuôi nước ngoài, nghĩa vụ báo cáo về tình hình phát triển của trẻ em... Trong những năm gần đây, nhằm tăng cường công tác quản lý và kiểm tra hoạt động của các Văn phòng con nuôi nước ngoài, Bộ Tư pháp định kỳ 2 lần/năm họp và làm việc với các Văn phòng nhằm quán triệt chủ trương, chính sách liên quan đến việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; ban hành công văn quán triệt tình hình thực hiện nghĩa vụ của các Văn phòng con nuôi nước ngoài; tập huấn quy định pháp luật về nuôi con nuôi cho các Văn phòng. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp thường đề nghị các Văn phòng thông tin kịp thời về tình hình giải quyết hồ sơ của tổ chức; gặp gỡ và trao đổi thông tin với các tổ chức con nuôi nước ngoài trong các chuyến công tác. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp có thể kịp thời nắm bắt thông tin và phản ánh từ phía các tổ chức/văn phòng con nuôi nước ngoài nhằm giải quyết những vướng mắc khó khăn có thể xảy ra.

Đánh giá chung: Có thể khẳng định rằng, với tư cách là Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của Việt Nam trong việc thực thi Công ước La Hay 1993, Bộ Tư

pháp đã thể hiện vai trò tích cực trên các mặt như hợp tác chặt chẽ với các nước thành viên Công ước, tham gia vào việc định hình, hoàn thiện chính sách pháp luật về nuôi con nuôi quốc tế trong khuôn khổ Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế, tham gia vào các diễn đàn quốc tế để trao đổi về những giải pháp, cách thức thực hiện hiệu quả Công ước La Hay 1993. Hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế trong 15 năm qua đã tạo dựng được niềm tin của các Nước nhận là thành viên của Công ước La Hay năm 1993, sự đánh giá cao của một số Nước gốc trong khu vực và khẳng định được vai trò là một thành viên tích cực, trách nhiệm của Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế. Bức tranh về nuôi con nuôi của Việt Nam đã có nhiều điểm sáng và được ghi nhận trên quốc tế¹¹; củng cố và tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác quốc tế với những nước có quan hệ hợp tác song phương với Việt Nam, tranh thủ được sự hỗ trợ từ Cơ quan Trung ương và Chính phủ của các nước (đặc biệt là vấn đề hỗ trợ kỹ thuật đã được ghi nhận trong nội dung các Hiệp định)¹².

3. Công tác lưu trữ hồ sơ nuôi con nuôi

Ở địa phương, hồ sơ nuôi con nuôi trong nước được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân cấp xã và hồ sơ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được lưu trữ tại Sở Tư pháp. Theo báo cáo tổng kết thi hành Luật Nuôi con nuôi, hầu hết các địa phương có nơi lưu trữ riêng, có sổ theo dõi và phần mềm quản lý dữ liệu điện tử, bước đầu hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ phục vụ công tác quản lý và báo cáo định kỳ. Ở Trung ương, công tác lưu trữ hồ sơ, tài liệu nuôi con nuôi được Bộ Tư pháp quan tâm, chú trọng. Gần 14 nghìn hồ sơ con nuôi nước ngoài (bao gồm hồ sơ cha mẹ nuôi và hồ sơ con nuôi) đã được chỉnh lý và số hóa bảo đảm việc lưu trữ được tiến hành đồng thời trên môi trường điện tử và bản giấy. Làm tốt công tác lưu trữ hồ sơ giúp cho Bộ Tư pháp và các cơ quan tư pháp địa phương chủ động và thực hiện có hiệu quả hơn trong việc khai thác, chia sẻ thông tin dữ liệu về nuôi con nuôi theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật và đặc biệt là việc cung cấp thông tin hỗ trợ con nuôi tìm hiểu về nguồn gốc, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và cũng là nguyện vọng chính đáng của con nuôi đã được pháp luật quy định.

¹¹ Thông qua cơ chế hợp tác chặt chẽ, Việt Nam đã nắm bắt kịp thời các thông tin, các phản ánh của các Nước nhận về các hoạt động liên quan đến nuôi con nuôi tại Việt Nam (hồ sơ của trẻ em, nguyên tắc bảo trợ đối với trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt, hoạt động của các tổ chức con nuôi nước ngoài, hỗ trợ, tặng cho của cha, mẹ nuôi ... qua đó, có những nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật đảm bảo tính chặt chẽ, phù hợp với Công ước La Hay năm 1993; đồng thời, kịp thời chia sẻ các thông tin về pháp luật, chính sách và tình hình giải quyết nuôi con nuôi của Việt Nam, qua đó, tạo được sự hiểu biết, giải quyết được những vấn đề khác biệt về nhận thức, tạo ra sự tin tưởng của các nước đối với Việt Nam. Vì thế, việc tiến hành các thủ tục nuôi con nuôi quốc tế cũng như theo dõi tình hình phát triển của trẻ em được cho làm con nuôi ở nước ngoài được thực hiện hiệu quả, không phát sinh các vấn đề khó khăn, vướng mắc.

¹² Thực tế những năm qua cho thấy, trong quá trình thực hiện Hiệp định hợp tác song phương đã có một số nước tích cực trợ giúp Việt Nam trong việc trợ giúp kỹ thuật, đào tạo, trao đổi kinh nghiệm về con nuôi quốc tế theo quy định của Hiệp định, đặc biệt phải kể đến sự hỗ trợ phi dự án của Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của Pháp (2016-2019), Ai-len (2019), I-ta-li-a (2018 -2019)... để tiến hành các hoạt động tập huấn, soạn thảo tài liệu hướng dẫn các quy định về nuôi con nuôi nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tư pháp, y tế trong việc giải quyết cho trẻ em làm con nuôi.

4. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết nuôi con nuôi

Trong những năm gần đây, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục nuôi con nuôi đã được các cơ quan quản lý nhà nước triển khai mạnh mẽ, phù hợp với chủ trương chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Công tác giải quyết nuôi con nuôi đòi hỏi quy trình chặt chẽ, nhiều cấp, nhiều khâu và sự phối hợp liên ngành giữa các cơ quan khác nhau khác nhau. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao khả năng giám sát, theo dõi tiến độ giải quyết và đảm bảo tính thống nhất trong quản lý dữ liệu. Đến nay, hầu hết các thủ tục liên quan đến đăng ký nuôi con nuôi trong nước đã cho phép người dân nộp hồ sơ trực tuyến, một số thủ tục đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tạo thuận lợi cho người dân thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực này.

Bộ Tư pháp đã đẩy mạnh công tác tin học hóa lĩnh vực hộ tịch, mở rộng hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc, trong đó tích hợp dữ liệu về đăng ký, giải quyết nuôi con nuôi trong nước. Việc tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Trung ương và địa phương, giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia đã giúp tăng cường khả năng quản lý thống nhất, hỗ trợ tra cứu, thống kê phục vụ công tác quản lý nhà nước, giảm tải thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho người dân. Một số địa phương đã xây dựng nền tảng số hóa sổ bộ nuôi con nuôi, bảo đảm việc lưu trữ, tra cứu và chia sẻ dữ liệu an toàn.

5. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

5.1. Về nuôi con nuôi trong nước

Việc triển khai thi hành Luật Nuôi con nuôi trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần bảo đảm quyền lợi cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc, xuất phát từ cả quy định pháp luật và thực tiễn triển khai, cụ thể như sau:

5.1.1. Khó khăn trong thực hiện thủ tục giải quyết nuôi con nuôi

- Việc tìm gia đình thay thế trong nước cho trẻ em thông qua phương tiện thông tin đại chúng còn mang tính hình thức, hiệu quả thấp, số lượng người thông qua các kênh thông tin này để nhận con nuôi còn chưa cao. Cùng với đó, việc giải quyết cho người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi tại Sở Tư pháp chưa có hiệu quả.

- Các địa phương khó khăn trong việc xác định người nhận con nuôi có điều kiện về kinh tế, chỗ ở, có tư cách đạo đức tốt, thế nào là trường hợp cha, mẹ đẻ không có khả năng nuôi dưỡng, người bao nhiêu tuổi thì không được nhận con nuôi, vợ hoặc chồng của cô, dì, chú, bác ruột khi nhận cháu của vợ hoặc chồng mình có được miễn điều kiện về khoảng cách độ tuổi, điều kiện sức khỏe, chỗ ở... Hoặc trường hợp người độc thân nhận con nuôi rồi mới kết hôn thì chồng/vợ của

mình có được nhận con nuôi riêng của mình làm con nuôi... Những khó khăn này ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác giải quyết nuôi con nuôi.

- Việc xác minh mục đích và tính tự nguyện của việc cho – nhận con nuôi còn hình thức, thiếu căn cứ thực tế. Đặc biệt, việc đăng ký nuôi con nuôi trong một số trường hợp chưa bảo đảm mục đích xác lập quan hệ cha mẹ con lâu dài, có dấu hiệu lợi dụng việc nuôi con nuôi trong nước để hợp thức hóa việc nhập cư vào nước ngoài.

- Công tác số hóa hồ sơ chưa được thực hiện đồng bộ, nhiều nơi vẫn lưu trữ hồ sơ giấy, dễ gây hư hỏng, mất mát và khó khăn trong việc tra cứu, kiểm tra, thống kê dữ liệu và hỗ trợ con nuôi tìm hiểu thông tin về nguồn gốc.

- Khó khăn trong việc xử lý các trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi không đúng quy định hoặc các trường hợp cha, mẹ nuôi không còn đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con nuôi, việc nuôi con nuôi không đạt được mục đích theo quy định tại Điều 2 của Luật Nuôi con nuôi.

5.1.2. Khó khăn trong theo dõi tình hình phát triển của con nuôi

- Nhiều cha mẹ nuôi chưa có nhận thức đầy đủ về trách nhiệm báo cáo tình hình phát triển của con nuôi hoặc muốn giữ kín việc nhận con nuôi nên không thực hiện trách nhiệm báo cáo tình hình phát triển của con nuôi.

- Khi thay đổi nơi cư trú, nhiều trường hợp cha mẹ nuôi không thông báo cho chính quyền địa phương nơi chuyển đến, khiến việc theo dõi tình hình nuôi con nuôi bị gián đoạn¹³. Đã có 28/34 tỉnh/thành phố (82.3%) ghi nhận nhận khó khăn này.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan như tư pháp, lao động – thương binh và xã hội, công an, y tế, cùng các tổ chức xã hội vẫn chưa được triển khai đồng bộ để bảo đảm hiệu quả của công tác theo dõi tình hình phát triển của con nuôi¹⁴.

- Kinh phí, nhân lực dành cho công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi tình hình thực hiện việc nuôi con nuôi tại địa phương còn hạn chế¹⁵. Nhiều địa phương, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, chưa có đủ nhân lực để triển khai hoạt động theo dõi, kiểm tra thực tế tại nơi cư trú của cha mẹ nuôi. Việc thiếu kinh phí cho công tác đi cơ sở, thu thập thông tin và lập báo cáo định kỳ dẫn đến tình trạng việc theo dõi chỉ thực hiện trên hồ sơ, chưa phản ánh đúng thực trạng nuôi con nuôi trong xã hội.

- Công tác theo dõi tình hình phát triển của trẻ em sau đăng ký nuôi con nuôi trong nước chưa được thực hiện đầy đủ và thường xuyên. Một số địa phương mới chỉ dừng lại ở việc lưu hồ sơ, chưa có kế hoạch định kỳ kiểm tra trực tiếp hoặc

¹³ 28/34 tỉnh/thành phố ghi nhận khó khăn này gồm: Đắk Lắk; Cần Thơ, Đồng Nai, Gia Lai, An Giang, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Cà Mau, Hà Tĩnh, Huế, Khánh Hòa, Tây Ninh, Vĩnh Long, Thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Phú Thọ, Lào Cai, Bắc Ninh, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Hưng Yên, Tuyên Quang.

¹⁴ Đồng Nai.

¹⁵ Đồng Nai, Lâm Đồng, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh, Bộ Y tế.

giám sát quá trình nuôi dưỡng. Điều này làm giảm hiệu quả của cơ chế bảo vệ trẻ em, không bảo đảm mục tiêu của Luật Nuôi con nuôi là đặt lợi ích tốt nhất của trẻ em lên hàng đầu.

5.1.3. Vẫn tồn tại thực trạng chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em mà không đăng ký việc nuôi con nuôi tại các cơ quan có thẩm quyền

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, vẫn còn tồn tại tình trạng người dân tự ý thỏa thuận việc cho – nhận “con nuôi” để mang trẻ em về chăm sóc, nuôi dưỡng mà không thực hiện thủ tục đăng ký nuôi con nuôi theo quy định pháp luật¹⁶. Mặc dù chỉ có 17/34 Sở Tư pháp báo cáo có ghi nhận thực trạng này, nhưng qua công tác quản lý nhà nước, Bộ Tư pháp thấy rằng thực trạng này tồn tại ở hầu hết các địa phương trên cả nước. Đây là vấn đề “nan giải” nhất trong lĩnh vực nuôi con từ trước đến nay mà chưa có giải pháp phù hợp để khắc phục triệt để. Việc “nuôi con nuôi” mà không đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền dẫn đến những hệ lụy như quyền lợi của người được nhận nuôi không được bảo đảm (người được nhận nuôi không có địa vị pháp lý, cơ quan có thẩm quyền không có cơ sở để được bảo vệ quyền lợi khi có tranh chấp giữa con đẻ hoặc người thân của người nuôi dưỡng với người được nuôi dưỡng, do thời gian nuôi dưỡng lâu gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc xác minh nguồn gốc của trẻ, lập biên bản trẻ bị bỏ rơi hoặc liên hệ với cha mẹ đẻ để lấy ý kiến đồng ý theo quy định...) và gây khó khăn cho công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Mặc dù các cơ quan có thẩm quyền đã tăng cường truyền tuyên để người dân hiểu được ý nghĩa và sự cần thiết phải đăng ký việc nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền nhưng thực trạng này vẫn chưa được khắc phục triệt để.

5.1.4. Vẫn tồn tại thực trạng đăng ký nuôi con nuôi với người đứng đầu các cơ sở tôn giáo, cơ sở thờ tự, người đã xuất gia

Trong 15 năm triển khai Luật Nuôi con nuôi, việc nhận nuôi con nuôi của người đứng đầu các cơ sở tôn giáo, nhà tu hành, người đã xuất gia là vấn đề vô cùng phức tạp và xảy ra ở nhiều địa phương¹⁷. Điều 2 của Luật Nuôi con nuôi đã quy định rõ mục đích của việc nuôi con nuôi là nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình. Việc giải quyết nuôi con nuôi cho người đứng đầu các cơ sở tôn giáo, nhà tu hành, người đã xuất gia không đảm bảo được mục đích nêu trên, vì những người này không hướng đến việc tạo lập mối quan hệ cha, mẹ con với người được nhận làm con nuôi và cũng không thể bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình (do họ sống trong các cơ sở thờ tự và phải tuân thủ những giáo lý riêng). Tuy nhiên, công chức cấp xã chưa đánh giá một cách toàn diện mục đích của việc nuôi con nuôi trong những trường hợp này nên

¹⁶ Đắk Lắk; Cần Thơ, Đồng Nai, Gia Lai, An Giang, Lâm Đồng, Thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Cao Bằng, Thái Nguyên, Ninh Bình, Lạng Sơn, Điện Biên, Sơn La, Cà Mau, Vĩnh Long.

¹⁷ Đồng Nai, Gia Lai, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Cà Mau, Quảng Ninh, Ninh Bình, Phú Thọ, Hưng Yên, Tây Ninh.

vẫn đăng ký việc nuôi con nuôi (đặc biệt là giai đoạn đầu khi Luật Nuôi con nuôi mới có hiệu lực thi hành) dẫn đến không đảm bảo quyền và lợi ích của trẻ em.

5.1.5. Các cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện trách nhiệm chuyển đổi hình thức chăm sóc thay thế sang nuôi con nuôi còn ở mức độ hạn chế

Từ kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi giai đoạn 2011-2025, cũng như theo báo cáo của Bộ Y tế về tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi cho thấy, vai trò của các cơ sở trợ giúp xã hội trong việc tìm mái ấm gia đình thay thế cho trẻ em còn rất hạn chế. Trong tổng số 46.066 trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi trong nước và nước ngoài, chỉ có 5.205 trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng, chiếm khoảng 11,2% số trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi và khoảng 3,8% số trẻ em sống ở cơ sở trợ giúp xã hội¹⁸. Qua kết quả kiểm tra, khảo sát của Bộ Tư pháp cho thấy, nhiều cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập (đặc biệt là các cơ sở trợ giúp xã hội thuộc các cơ sở tôn giáo) hiện đang nuôi dưỡng, chăm sóc nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhưng không thực hiện trách nhiệm chuyển đổi hình thức chăm sóc thay thế cho trẻ em theo quy định của pháp luật về trẻ em. Việc để trẻ em phải sống lâu dài trong môi trường tập thể ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện về thể chất, tâm lý và không phù hợp với khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc.

5.2. Về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

5.2.1. Khó khăn trong việc đánh giá nhu cầu của trẻ em cần được nhận làm con nuôi

Nhiều địa phương cho rằng việc đánh giá nhu cầu của trẻ em cần được nhận làm con nuôi để lập hồ sơ trẻ tìm gia đình thay thế cũng là một vấn đề khó khăn. Nguyên nhân là do hầu hết các địa phương chưa có một đội ngũ chuyên gia liên ngành (tâm lý, xã hội, y tế) đủ năng lực thực hiện việc đánh giá toàn diện nhu cầu của trẻ. Bên cạnh đó, khâu xác định diện giải quyết của trẻ em, đặc biệt là trẻ em thuộc diện đích danh cũng gặp nhiều trở ngại, nhất là với nhóm trẻ mắc bệnh bẩm sinh, bệnh về máu, tim mạch hoặc cần điều trị suốt đời. Nhiều địa phương thiếu kinh phí khám bệnh chuyên sâu, dẫn đến việc phát hiện, xác định mức độ khuyết tật, bệnh tật của trẻ không đầy đủ, gây khó khăn cho việc lập hồ sơ và giới thiệu trẻ em làm con nuôi ở nước ngoài.

5.2.2. Khó khăn trong việc xác minh nguồn gốc của trẻ em bị bỏ rơi, lấy ý kiến của những người có liên quan

Công tác xác minh nguồn gốc đối với trẻ em bị bỏ rơi và lấy ý kiến của những người có liên quan để hoàn thiện hồ sơ cho làm con nuôi có yếu tố nước ngoài còn gặp trở ngại do thiếu thông tin hoặc thông tin không chính xác, nhiều trường hợp phải xác minh tại nhiều địa bàn khác nhau¹⁹, dẫn đến thời gian kéo dài, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết nuôi con nuôi, từ đó ảnh hưởng đến cơ

¹⁸ Theo báo cáo số 1059/BC-CTE ngày 20/12/2024 của Cục Trẻ em thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (nay là Cục Bà mẹ và Trẻ em thuộc Bộ Y tế), cả nước có 19.213 trẻ em đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại 483 cơ sở trợ giúp xã hội trên toàn quốc.

¹⁹ Đồng Nai, Hà Tĩnh, Khánh Hòa, Vĩnh Long, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Sơn La, Hải Phòng.

hội được chăm sóc và can thiệp sớm đối với sức khỏe, tâm lý của trẻ em, nhất là những trẻ có nhu cầu chăm sóc sức khỏe đặc biệt.

Bên cạnh đó, quy định hiện hành về việc công chức Sở Tư pháp trực tiếp lấy ý kiến cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ trong hồ sơ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài không còn phù hợp với điều kiện thực tế sau khi sáp nhập đơn vị hành chính, do địa bàn rộng, đông dân cư khiến việc đi lại, thu thập thông tin và tổ chức lấy ý kiến gặp nhiều trở ngại²⁰. 10/34 địa phương ghi nhận việc lấy ý kiến người có liên quan cũng phát sinh nhiều khó khăn trong các trường hợp họ không có nơi ở cố định, không thường trú tại địa phương hoặc phải phối hợp với Sở Tư pháp khác để thực hiện, làm kéo dài thời gian giải quyết²¹. Ngoài ra, không ít trường hợp người được lấy ý kiến lo ngại việc tiết lộ bí mật đời tư nên né tránh, không hợp tác, hoặc cha, mẹ đẻ của trẻ đã ly hôn, đi làm ăn xa, không liên lạc được với bên còn lại.

5.2.3. Khó khăn trong việc giới thiệu trẻ với gia đình phù hợp

Pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về các tiêu chí giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài, dẫn đến việc đánh giá, lựa chọn gia đình phù hợp với trẻ trong từng hồ sơ còn phụ thuộc nhiều vào nhận định chủ quan của cán bộ thực hiện. Sự thiếu thống nhất trong cách hiểu và áp dụng tiêu chí giữa các địa phương cũng làm phát sinh sự chênh lệch trong việc giới thiệu hồ sơ, ví dụ có nơi ưu tiên độ tuổi nhỏ, có nơi chú trọng tình trạng sức khỏe, tài chính... của cha, mẹ nuôi.

5.2.4. Khó khăn trong việc sử dụng khoản chi phí giải quyết nuôi con nuôi

Theo báo cáo của một số Sở Tư pháp, thủ tục rút kinh phí còn phức tạp²², phải trải qua nhiều bước, dẫn đến chậm trễ trong việc chi trả, thanh toán, gây khó khăn cho các cơ quan trực tiếp thực hiện. Một số khoản chi không có trong định mức hoặc chưa được quy định cụ thể, khiến địa phương lúng túng trong lập dự toán, thanh toán và quyết toán. Hiện nay cũng chưa có hướng dẫn thống nhất về quy trình, biểu mẫu, cách thức lập dự toán, thanh toán, quyết toán các nội dung chi từ nguồn chi phí nuôi con nuôi²³ dẫn đến tình trạng mỗi địa phương áp dụng theo cách hiểu riêng, tiềm ẩn nguy cơ sai sót hoặc bị xuất toán khi kiểm tra, quyết toán ngân sách.

5.2.5. Khó khăn khác

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong và ngoài địa phương (cấp tỉnh) còn thiếu chặt chẽ, đặc biệt là trong việc niêm yết thông tin của trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi nước ngoài.

²⁰ Thành phố Hồ Chí Minh.

²¹ Thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên, Phú Thọ, Nghệ An, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Cà Mau, Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng.

²² Đắk Lắk, Phú Thọ.

²³ Lâm Đồng, Hải Phòng, Quảng Ninh, Tuyên Quang.

- Chưa có cơ sở xác định quyền, nghĩa vụ của các bên và xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến hộ tịch, quốc tịch, hay thừa kế²⁴ của con nuôi đối với các trường hợp con nuôi phải hồi hương do không thể thích nghi với môi trường gia đình mới.

- Chưa có phần mềm về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên toàn quốc nên việc theo dõi hồ sơ nuôi con nuôi còn thiếu đồng bộ giữa các cấp, khó khăn trong việc tra cứu thông tin.

- Chưa có dịch vụ hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi, dẫn đến người nhận con nuôi trong nước không được tư vấn, hỗ trợ thực hiện thủ tục nhận con nuôi, báo cáo tình hình phát triển của con nuôi. Trẻ em được nhận làm con nuôi trong nước và nước ngoài không được tư vấn, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc hòa nhập với môi trường sống mới.

- Chưa có sự liên thông giữa nuôi con nuôi với các biện pháp chăm sóc thay thế khác, giữa nuôi con nuôi trong nước với nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.

- Việc lưu trữ hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi ở các địa phương chưa được quan tâm đồng đều. Tại nhiều Ủy ban nhân dân cấp xã, hồ sơ còn trong tình trạng ầm mốc, rách, thất lạc.

5.3. Nguyên nhân

5.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Một số quy định của Luật Nuôi con nuôi chưa cụ thể²⁵ liên quan đến điều kiện của người nhận con nuôi, của trẻ em được nhận làm con nuôi, quy trình giải quyết nuôi con nuôi như đã nêu tại mục 5.1, 5.2 trên đây.

- Các vấn đề thực tiễn mới phát sinh chưa được điều chỉnh trong Luật Nuôi con nuôi như: xử lý việc đăng ký nuôi con nuôi không đúng quy định, hủy bỏ/thu hồi Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp không bàn giao²⁶ được trẻ em, nhu cầu hỗ trợ giải quyết việc nuôi con nuôi, hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài...

- Bối cảnh thực hiện Luật Nuôi con nuôi đã thay đổi đáng kể sau năm 2011 khi Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hộ tịch năm 2014, Luật Trẻ em năm 2016 và các văn bản hướng dẫn khác có hiệu lực thi hành, đặc biệt là việc tổ chức, sắp xếp lại cơ quan hành chính. Luật Nuôi con nuôi đã trải qua 15 năm thi hành, chưa từng được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tương thích với bối cảnh mới đã ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác giải quyết nuôi con nuôi.

5.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức pháp luật về nuôi con nuôi của nhiều người dân còn hạn chế. Nhiều trường hợp tự ý nhận nuôi trẻ bị bỏ rơi, trẻ mồ côi hoặc con của người quen

²⁴ An Giang.

²⁵ 34/34 tỉnh/thành phố ghi nhận khó khăn này.

²⁶ Nghệ An.

mà không thông báo, đăng ký việc nuôi con nuôi tại cơ quan có thẩm quyền. Việc cho – nhận con nuôi thường chỉ dựa trên thỏa thuận miệng hoặc giấy viết tay, không có giá trị pháp lý, dẫn đến khó khăn trong việc xác định mối quan hệ nuôi dưỡng và bảo hộ quyền nhân thân của người được nuôi dưỡng.

- Tâm lý của người nhận con nuôi trong nước muốn che giấu việc nhận con nuôi hoặc e ngại “lộ thân phận con nuôi” dẫn đến chưa chủ động thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Sự phối hợp giữa các ngành như tư pháp, công an, y tế chưa được thực hiện thường xuyên, bài bản. Nhiều chủ thể chưa thực hiện đúng trách nhiệm được giao (cơ quan chủ quản chưa đôn đốc, chỉ đạo quyết liệt, cơ sở trợ giúp xã hội không thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi hình thức chăm sóc thay thế cho trẻ em).

- Năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ về công tác nuôi con nuôi của công chức cấp xã còn hạn chế, đặc biệt là trong các nội dung chuyên sâu như đánh giá tâm lý – xã hội của trẻ em, người nhận nuôi, xác minh nguồn gốc, tư vấn cho cha mẹ đẻ và người nhận con nuôi.

- Cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật còn chưa đáp ứng được yêu cầu của việc chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính. Kinh phí phục vụ công tác nuôi con nuôi chưa được bảo đảm, nhiều nơi còn lúng túng trong việc lập dự toán, thanh quyết toán hoặc tổ chức xác minh, bàn giao do thiếu nguồn chi cụ thể.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với công tác hoàn thiện pháp luật về nuôi con nuôi

Tiếp tục tổng kết những khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Nuôi con nuôi, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi toàn diện Luật Nuôi con nuôi và ban hành văn bản hướng dẫn thi hành theo các hướng sau:

- Quy định của Luật Nuôi con nuôi phải bảo đảm thống nhất và phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan mới được ban hành như Hiến pháp, Bộ luật dân sự, Luật Trẻ em, Luật Hộ tịch và điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên.

- Cơ chế giải quyết nuôi con nuôi phải có sự liên thông giữa nuôi con nuôi với các biện pháp chăm sóc thay thế khác, giữa nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi nước ngoài. Bảo đảm sự kiểm soát của Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi quốc tế đối với các trường hợp giải quyết cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi ở nước ngoài.

- Cụ thể hóa các quy định còn chung chung, gây khó khăn trong triển khai thực hiện liên quan đến điều kiện của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi.

- Bổ sung các quy định đối với những nội dung đã được điều chỉnh trong Luật Nuôi con nuôi nhưng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn như vấn đề hệ quả pháp lý của việc nuôi con nuôi, căn cứ chấm dứt việc nuôi con nuôi...

- Bổ sung các quy định đủ mạnh, hoặc có thể quy định chế tài, để bảo đảm các chủ thể có liên quan thực hiện đúng trách nhiệm tìm gia đình thay thế cho trẻ em, tránh để trẻ em sống tập trung lâu dài tại cơ sở trợ giúp xã hội.

- Bổ sung các quy định mới để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa có quy định điều chỉnh như: xử lý đối với việc đăng ký nuôi con nuôi trái pháp luật, các trường hợp nuôi con nuôi không đạt được mục đích vì lợi ích tốt nhất của trẻ em...

- Quy định về dịch vụ hỗ trợ giải quyết nuôi con nuôi để bảo đảm việc giải quyết nuôi con nuôi được thực hiện theo hướng chuyên nghiệp, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định để bảo đảm phù hợp với bối cảnh tổ chức, sắp xếp lại đơn vị hành chính, yêu cầu về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (đơn giản hóa thủ tục hành chính, khai thác thông tin, dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, giải quyết thủ tục hành chính phi địa giới...).

2. Đối với công tác nâng cao hiệu quả thi hành Luật Nuôi con nuôi

- Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về nuôi con nuôi: Bộ Tư pháp cần chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất, giải quyết những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật, đặc biệt là các vấn đề về xác minh nguồn gốc trẻ, lấy ý kiến người có liên quan, bàn giao con nuôi. Đồng thời, biên soạn và phát hành lại sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ nuôi con nuôi thống nhất trong toàn quốc, bảo đảm nội dung dễ áp dụng, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số và tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hiện nay.

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi: Để nâng cao nhận thức của người dân và ý thức tuân thủ pháp luật về nuôi con nuôi, cần đổi mới phương thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi, bao gồm: đa dạng hóa hình thức, như sử dụng các cuộc thi trực tuyến, ứng dụng công nghệ số, và lồng ghép tuyên truyền vào các hoạt động cộng đồng; đổi mới về nội dung, cách tiếp cận và gắn kết chặt chẽ việc tuyên truyền với đời sống thực tế, đặc biệt chú trọng đến các đối tượng cụ thể như công chức cấp xã làm công tác đăng ký nuôi con nuôi, cán bộ của cơ sở trợ giúp xã hội, người có nhu cầu nhận con nuôi. Ngoài ra, cần phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, tổ chức bảo trợ trẻ em và các cơ quan truyền thông trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về nuôi con nuôi.

- Thanh tra, kiểm tra công tác giải quyết việc nuôi con nuôi: Đổi mới cách thức thanh tra, kiểm tra để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực chất, bao gồm nắm bắt, thu thập thông tin, tình hình tại địa phương, nắm bắt thông tin qua các phương tiện thông tin truyền thông và phản ánh của người dân để có sự chuẩn bị kỹ càng cho các cuộc thanh tra, kiểm tra công tác giải quyết nuôi con nuôi. Ngoài ra, cần chú trọng đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định sau

thanh tra và xử lý nghiêm trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các yêu cầu sau thanh tra.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan có thẩm quyền, tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử quốc gia về nuôi con nuôi, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nhằm bảo đảm công tác quản lý chính xác, kịp thời và thuận lợi cho việc tra cứu, thống kê. Đồng thời, ứng dụng công nghệ thông tin trong xác minh nhân thân, quản lý dữ liệu trẻ em bị bỏ rơi, rút ngắn thời gian xác minh, nâng cao tính chính xác và hiệu quả của công tác lấy ý kiến, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của trẻ em.

- Thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên và thực chất thông qua việc ban hành quy chế phối hợp liên ngành phù hợp với tình hình mới. Cần định kỳ tổ chức họp giao ban, chia sẻ thông tin, trao đổi kinh nghiệm, thống nhất giải pháp xử lý các vướng mắc phát sinh trong thực tế. Đồng thời, ứng dụng công nghệ thông tin để kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các ngành, hình thành mạng lưới liên thông trong việc tiếp nhận, xử lý và theo dõi hồ sơ nuôi con nuôi.

- Tiếp tục chủ trì và mở rộng hợp tác quốc tế trong khuôn khổ Công ước La Hay năm 1993, đẩy mạnh trao đổi kinh nghiệm, học hỏi mô hình quản lý tiên tiến của các quốc gia khác nhằm nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc và bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho trẻ em Việt Nam được nhận làm con nuôi.

3. Đối với nguồn lực dành cho việc thực hiện pháp luật về nuôi con nuôi

- Bố trí đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác nuôi con nuôi ổn định, có kinh nghiệm và được đào tạo chuyên sâu về pháp luật, tâm lý, xã hội, y tế, cũng như kỹ năng làm việc với trẻ em và các bên liên quan. Việc phân công nhân sự cần được thực hiện một cách hợp lý, bảo đảm tính kế thừa và ổn định, tránh tình trạng thường xuyên thay đổi gây gián đoạn trong xử lý hồ sơ, xác minh và theo dõi việc nuôi con nuôi.

- Bố trí cơ sở vật chất phù hợp cho việc lưu trữ hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi, đặc biệt là hồ sơ nuôi con nuôi trong nước.

- Bố trí và bảo đảm nguồn kinh phí phù hợp cho công tác thực hiện Luật Nuôi con nuôi, trong đó cần có hướng dẫn cụ thể về định mức, nội dung chi, thủ tục thanh toán và quyết toán đối với các khoản kinh phí phục vụ hoạt động lấy ý kiến của những người có liên quan, khám sức khỏe cho trẻ em, tổ chức bàn giao và theo dõi tình hình phát triển của trẻ em... Việc xây dựng dự toán ngân sách hàng năm cần gắn với nhu cầu thực tế và quy mô giải quyết hồ sơ tại từng địa phương, bảo đảm chi đúng, đủ và hiệu quả.

- Ban hành cơ chế khuyến khích, vận động, thu hút và hỗ trợ xã hội hóa các nguồn lực phục vụ công tác nuôi con nuôi, nhất là huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cá nhân trong chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 15 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi, Bộ Tư pháp kính trình Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng TT Chính phủ Nguyễn Hòa Bình (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (để phối hợp);
- Tòa án nhân dân tối cao (để phối hợp);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các Bộ: Công an; Y tế; Tài chính; Ngoại giao (để phối hợp);
- UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TW (để phối hợp);
- Lưu: VT, HCTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Ngọc

